

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG NGUYỄN KIM LINH

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY
DỰNG HỘI AN

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng- Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: TS. ĐOÀN NGỌC PHI ANH

Phản biện 2: PGS. TS. LÊ ĐỨC TOÀN

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 06 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong giai đoạn hiện nay, hòa cùng với sự đổi mới sâu sắc toàn diện của đất nước, của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng của nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những thành tựu đó chính là nhờ những đóng góp vô cùng to lớn của ngành xây dựng cơ bản nước nhà. Trong những năm qua, hoạt động xây dựng cơ bản đã có sự phát triển mạnh mẽ, nhiều công trình xây dựng lớn được hoàn thành và đưa vào sử dụng đem lại những hiệu quả kinh tế – xã hội to lớn góp phần vào thành tựu chung của đất nước. So với ngành sản xuất khác, ngành xây dựng cơ bản có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành, do đó vấn đề đặt ra là làm sao phải quản lý vốn có hiệu quả đồng thời khắc phục được tình trạng thất thoát lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp. Để đạt được điều đó, mỗi nhà quản trị doanh nghiệp cần phải sử dụng đồng bộ, hiệu quả các công cụ quản lý kinh tế tài chính của mình, trong đó không thể không kể đến kế toán quản trị chi phí – công cụ quản lý kinh tế hiệu quả của mọi nhà doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản, khối lượng sản phẩm xây lắp lớn, đa dạng về chủng loại và hình thức nên công tác kế toán quản trị chi phí không phải là việc đơn giản bởi tính đa dạng của các loại hoạt động và tính phức tạp của chi phí. Vì vậy việc áp dụng các hình thức quản lý chi phí dưới góc độ kế toán quản trị là việc làm cần thiết, nhất là khi đã có những biểu hiện của các bộ phận thực hiện chức

năng của kế toán quản trị trong các đơn vị phòng ban tại Công ty. Xuất phát từ những nhận thức trên, tác giả nhận thấy việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp là vấn đề cần thiết và có tính thực tiễn cao trong tình hình hiện nay và đó là lý do tác giả chọn đề tài nghiên cứu: “*Kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An*”.

2. Mục đích nghiên cứu

☞ Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong các DN xây lắp.

☞ Thông qua nghiên cứu thực tiễn, phân tích làm rõ thực trạng kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

☞ Trên cơ sở những vấn đề lý luận đã nghiên cứu và thực trạng để đưa ra những giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp nhằm kiểm soát chi phí để có thể đưa ra được các sản phẩm với giá cạnh tranh, góp phần tăng nhanh tổng mức lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Do tính phức tạp của đề tài, thời gian và điều kiện nghiên cứu nên luận văn chỉ đi sâu nghiên cứu kế toán quản trị chi phí đối với mảng xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An. Thời gian nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 2010-2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu: Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp thực chứng để đối chiếu, phương pháp điều tra điển hình, phương pháp thống kê để tổng hợp số liệu và phân tích. Đặc biệt sử

dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp các nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An, có sử dụng sơ đồ và bảng biểu để minh họa cho quá trình nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Trên cơ sở đó, đưa ra những nội dung cần hoàn thiện phù hợp với khả năng thực hiện được của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

5. Đóng góp của luận văn

Đề tài nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp nói chung và tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An nói riêng để từ đó đưa ra những phương hướng hoàn thiện kế toán quản trị chi phí phù hợp, hiệu quả nhất cho DN như: đưa ra phương pháp quản lý có hiệu quả các khoản chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm xây lắp, phương pháp định giá đặc biệt trong cạnh tranh đấu thầu, hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí nhằm kiểm soát chi phí xây lắp và khả năng áp dụng hệ thống tính giá thông dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các bảng biểu, sơ đồ, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

Chương 3: Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ VAI TRÒ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1.1. Tổng quan về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1.1. Kế toán quản trị chi phí

Hiệp hội kế toán Mỹ định nghĩa: “Kế toán quản trị là quá trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban quản trị để lập kế hoạch, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp, đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả về tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này”.

Giữa KTQT và KTTC có mối quan hệ lẫn nhau thể hiện qua phần giao thoa giữa chúng là kế toán chi phí. KTQT chi phí là một bộ phận của hệ thống kế toán quản trị nên bản chất của KTQT chi phí trước hết thể hiện ở bản chất của kế toán quản trị. Do đó, xét một cách tổng quát, KTQT chi phí có bản chất là một bộ phận của hoạt động quản lý. Thông qua chức năng quản lý nhà quản trị có thể kiểm tra, giám sát việc sử dụng chi phí và tính toán hiệu quả của việc bỏ ra chi phí với hiệu quả SXKD.

1.1.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến Kế toán quản trị chi phí

Thứ nhất, sản phẩm xây lắp là sản phẩm đặc chủng, sản phẩm đơn chiếc (không giống nhau và không sản xuất đại trà)

Thứ hai, sản phẩm xây lắp có quy mô lớn phải trải qua thời gian thực hiện xây lắp lâu dài mới có thể đưa vào sử dụng

Thứ ba, sản phẩm xây lắp thường có thời gian sử dụng lâu dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa phải phá đi làm lại.

Thứ tư, hoạt động xây lắp thường diễn ra ngoài trời

Thứ năm, sản phẩm xây lắp được sử dụng tại chỗ, địa điểm xây dựng luôn thay đổi theo địa bàn thi công.

Thứ sáu, để nhận được CT, các DN xây lắp thường phải trải qua khâu đấu thầu

1.1.1.3. Quản trị chi phí trong DN xây lắp

Quản trị chi phí là một nội dung trọng tâm trong công tác quản trị của DN xây lắp. Để thực hiện tốt chức năng quản trị chi phí xây lắp, KTQT chi phí trong DN xây lắp phải thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

- + Xây dựng các chỉ tiêu định mức chi phí và lập dự toán chi phí cho từng CT, HMCT.

- + Xác định các phương pháp phân bổ chi phí chính xác, phù hợp cho từng CT, HMCT.

- + Hạch toán và cung cấp kịp thời những thông tin chi tiết, hữu ích về từng khoản mục chi phí phát sinh cho từng CT, HMCT

1.1.2. Vai trò Kế toán quản trị chi phí trong DN xây lắp

- + Cung cấp thông tin cho quá trình xây dựng kế hoạch và dự toán

- + Cung cấp thông tin cho quá trình tổ chức thực hiện

- + Cung cấp thông tin cho quá trình kiểm tra đánh giá

- + Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định

1.2. NỘI DUNG KTQT CHI PHÍ TRONG DN XÂY LẮP

1.2.1. Phân loại chi phí và xác định giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.1.1. Phân loại chi phí trong DN xây lắp

- + Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế của chi phí
- + Phân loại chi phí theo mục đích và công dụng
- + Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí
- + Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định
- + Phân loại chi phí theo yêu cầu của việc lựa chọn các phương

án SXKD

1.2.1.2. Xác định giá thành sản phẩm sản xuất

- + Xác định giá thành sản phẩm sản xuất theo phương pháp chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính
- + Xác định giá phí sản phẩm sản xuất theo phương pháp chi phí trực tiếp và phương pháp chi phí toàn bộ
- + Xác định giá phí sản phẩm sản xuất theo hoạt động

1.2.2. Xây dựng định mức chi phí và dự toán chi phí trong xây lắp

1.2.2.1. Xây dựng định mức chi phí

Định mức chi phí chia làm hai loại: Định mức lý tưởng và định mức thực tế. Hệ thống định mức chi phí trong DN xây lắp :

- + *Định mức chi phí NVLTT:*
- + *Định mức chi phí NCTT*
- + *Định mức sử dụng chi phí máy:*
- + *Định mức chi phí SXC:*

1.2.2.2. Dự toán chi phí

* **Tổng dự toán CT:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng CT thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

Tổng dự = Chi phí + Chi phí + Chi phí + Chi phí
 toán CT xây lắp thiết bị khác dự phòng

*** Dự toán xây lắp cho từng HMCT:**

- *Dự toán chi phí NVLTT:*

$$\text{Dự toán chi phí NVLTT} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công tác} \\ \text{xây lắp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công tác} \\ \text{xây lắp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{chi phí vật} \\ \text{liệu của} \\ \text{công tác} \\ \text{xây lắp thứ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch vật} \\ \text{liệu (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right)$$

- *Dự toán chi phí NCTT:*

$$\text{Dự toán chi phí NCTT} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công tác} \\ \text{xây lắp thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công tác} \\ \text{xây lắp thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{thời gian} \\ \text{xây dựng} \\ \text{công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{theo đơn} \\ \text{giá giờ} \\ \text{công TT} \end{array} \right)$$

- *Dự toán chi phí sử dụng máy thi công:*

$$\text{Dự toán chi phí máy thi công} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công} \\ \text{tác xây lắp} \\ \text{thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công} \\ \text{tác xây lắp} \\ \text{thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức chi} \\ \text{phí máy thi công} \\ \text{của công tác xây} \\ \text{lắp thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{điều chỉnh} \\ \text{chi phí} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} \right)$$

- *Dự toán chi phí SXC:*

$$\text{Dự toán chi phí SXC} = \text{Định mức chi phí chung (tính theo tỷ lệ \%)} \times \text{Chi phí trực tiếp}$$

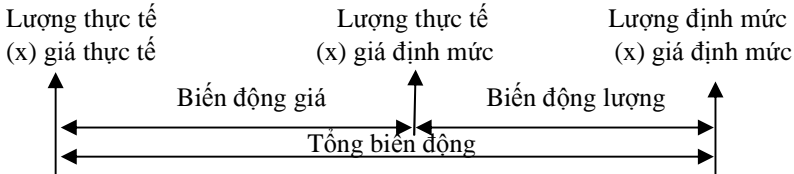
- *Dự toán giá thành sản phẩm xây lắp:* được căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí

1.2.3. Tổ chức công tác kiểm soát chi phí SXKD trong DN xây lắp

1.2.3.1. Kiểm soát chi phí

Mục đích của công tác kiểm soát là tìm ra nguyên nhân chủ quan, khách quan làm phát sinh chênh lệch giữa thực tế so với kế

hoạch, dự toán, nhằm tiết kiệm chi phí hoặc điều chỉnh kế hoạch, dự toán, tiêu chuẩn một cách kịp thời. Đó còn gọi là phân tích biến động của chi phí, sự biến động của chi phí đều bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố là lượng và giá, được phân tích theo mô hình chung



1.2.3.2. Tổ chức kiểm tra và đánh giá thực hiện công tác quản trị chi phí

Một trong những công cụ đặc lực để cung cấp thông tin có tính chất định hướng để nhà quản trị có được các quyết định hiệu quả chính là các báo cáo KTQT:

- + Báo cáo đánh giá trách nhiệm của quản lý
- + Báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình kiểm tra đánh giá
- + Báo cáo chi phí SXKD xây lắp (theo CT, HMCT, theo các khoản mục và yếu tố chi phí, theo chi phí cố định và chi phí biến đổi)
- + Báo cáo giá thành sản phẩm xây lắp
- + Báo cáo kết quả KD bộ phận dạng số dư đảm phí...

1.2.4. Phân tích thông tin thích hợp phục vụ giá dự thầu của nhà quản lý

Để giúp cho nhà quản trị có được quyết định hợp lý trong việc định giá dự thầu, KTQT cần phải lựa chọn những thông tin thích hợp trên cơ sở sử dụng phương pháp định giá trực tiếp (cách tính đảm phí). Theo phương pháp này :

Giá bán sản phẩm (*đính*) = Chi phí nền (*nền*) + Số tiền tăng thêm

Số tiền tăng thêm = Chi phí nền x Tỷ lệ % số tiền tăng thêm

Với mẫu định giá này, giá dự thầu có thể xác định trong phạm vi từ nền đến đỉnh, trong đó giá dự thầu tại đỉnh là giá mà nhà quản lý muốn đạt được và cần thiết phải đạt được đối với những CT, HMCT có quy mô lớn, mất nhiều thời gian và đầu tư.

1.3. MÔ HÌNH KẾ TOÁN PHỤC VỤ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

** Mô hình KTQT kết hợp với KTTC.*

** Mô hình KTQT tách biệt với KTTC.*

** Mô hình KTQT hỗn hợp.*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ những lý luận cơ bản về KTQT chi phí trong các DN xây lắp. Để đảm bảo tính hệ thống, luận văn đã phân tích đặc điểm hoạt động SXKD xây lắp, chỉ rõ ảnh hưởng của nó đến tổ chức KTQT chi phí sản phẩm xây lắp cũng như vai trò của tổ chức KTQT chi phí. Luận văn đã làm rõ nội dung, phương pháp phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, làm rõ những vấn đề cơ bản về tổ chức KTQT chi phí sản phẩm xây lắp cũng như lựa chọn mô hình tổ chức kế toán quản trị chi phí phù hợp. Những vấn đề đã nghiên cứu trong chương 1 của luận văn sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức KTQT chi trong các DN xây lắp nói chung và Công ty DIC-Hội An nói riêng

Chương 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN****2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN**

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại DIC-Hội An

2.1.3. Đặc điểm về tổ chức SXKD tại DIC-Hội An

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN**2.2.1. Phân loại chi phí**

- Chi phí NVLTT đây là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành thực tế cũng như dự toán của CT xây lắp, thường chiếm khoảng (60% đến 70% tổng giá trị CT)

- Chi phí NCTT bao gồm: tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp theo lương cho số công nhân trực tiếp tham gia thi công thuộc quản lý của Công ty và cả lao động thuê ngoài.

- Chi phí sử dụng máy thi công là loại chi phí riêng có trong các DN xây lắp.

- Chi phí SXC là những khoản chi phí phát sinh ở các đội, tổ thi công có tính chất phục vụ cho các CT thi công xây

- Chi phí quản lý DN bao gồm các chi phí hành chính cho khối văn phòng

Ngoài ra, DIC – Hội An cũng đã phân loại chi phí theo các yếu tố chi phí và thường được chia thành các yếu tố sau:

- Chi phí NVL như: xi măng, sắt, thép, cát, sỏi, đá...
- Chi phí nhân công như tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của công nhân...
- Chi phí khấu hao các TSCĐ như máy xúc, máy ủi, nhà văn phòng, nhà kho,...
- Các chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, nhà tạm, bảo hiểm, an ninh, bảo hành...
- Các chi phí khác như giải phóng mặt bằng, đền bù...

2.2.2. Dự toán chi phí

Qua khảo sát tại Công ty DIC-Hội An, có thể được khái quát quá trình lập dự toán chi phí sản xuất các CT, HMCT như sau:

* Xác định khối lượng CT, HMCT: sau khi trúng thầu một hợp đồng xây lắp, trên cơ sở bảng tiên lượng mời thầu được tách khối lượng từ bản vẽ kỹ thuật của chủ đầu tư, phòng kỹ thuật lập bảng vẽ thiết kế thi công.

* Căn cứ vào bản vẽ thi công, tổng hợp giá trúng thầu, định mức xây dựng cơ bản ngành và nội bộ cùng với thông báo giá vật liệu của Tỉnh/Thành phố nơi CT được xây dựng tại thời điểm thi công, phòng kỹ thuật thi công lập dự toán chi phí sản xuất.

* Chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được xác định căn cứ vào thông tư số 08/TT-BXD của Bộ xây dựng.

* Xác định bảng tổng hợp kinh phí dự toán cho CT

* Căn cứ vào dự toán đã xây dựng cho từng CT, HMCT tiến hành lập dự toán chi phí cho khối lượng xây lắp để thực hiện CT, HMCT đó.

2.2.3. Công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.2.3.1. Kế toán chi phí sản xuất

★ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Căn cứ theo dự toán, khối lượng thiết kế của CT, Công ty tiến hành tính toán nhu cầu từng loại vật tư theo yêu cầu thiết kế trên cơ sở giá cả hợp lý để tạm ứng tiền cho các đội thi công mua vật liệu. Công ty có trách nhiệm kiểm soát từng loại vật liệu mua về của các đội về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả có phù hợp, hợp lý thông qua các chứng từ các đội xây lắp nộp định kỳ để hoàn ứng rồi tiến hành hạch toán chi phí nguyên vật liệu cho các đội

★ Kế toán chi phí NCTT

Mặc dù Công ty đã trang bị một hệ thống máy móc thi công tương đối hiện đại nhưng do điều kiện và nhu cầu thi công của mỗi CT là khác nhau nên hiện nay chi phí nhân công tham gia trực tiếp vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ, từ 12% đến 17% giá thành CT.

★ Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay, Công ty có một số lượng máy móc thiết bị thi công khá hiện đại, đồng bộ và nhiều chủng loại. Trong quá trình thi công, khi có nhu cầu sử dụng máy thi công, chỉ huy trưởng CT báo cáo tình hình với Giám đốc Công ty. Căn cứ vào máy móc hiện tại, công ty sẽ quyết định điều động xe máy phù hợp

★ Kế toán chi phí sản xuất chung

Các đội thi công tự quản lý và kiểm soát các chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đội mình. Định kỳ gửi chứng từ lên cho Công ty, tại Công ty kiểm tra lại các chi phí này về tính pháp lý và mức độ phù hợp, hạch toán chi phí SXC cho các đội nhưng chi phí SXC thực tế không được vượt quá giá trị giao khoán

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành xây lắp

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành thực tế cho từng CT, HMCT. Do các CT xây lắp có thời gian thi công dài, nên cuối năm công ty chỉ tính giá thành cho các CT hoàn thành bàn giao hoặc các CT hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý (là điểm mà tại đó có thể xác định được giá dự toán).

Giá thành thực		Chi phí sản	Chi phí sản	Chi phí sản
tế khối lượng công	=	xuất dở dang	+ xuất phát sinh -	xuất dở dang
tác xây lắp hoàn		đầu kỳ	trong kỳ	cuối kỳ
thành bàn giao				

Sau khi tính được giá thành sản phẩm kế toán tiến hành phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành theo công thức:

Chi phí QLDN phân bổ cho CT X = Doanh thu của CT X x
(5% → 6%)

2.2.4. Kiểm soát thực hiện dự toán và tổ chức thông tin phục vụ ra quyết định kinh doanh

Dự toán chi phí sản xuất được gửi cho các bộ phận liên quan thực hiện theo dõi và trình duyệt theo chức năng của từng phòng. Nếu đội có nhu cầu cấp vật tư, xe máy thiết bị sẽ làm đề nghị tạm ứng gửi phòng kỹ thuật thi công, phòng kỹ thuật thi công tiến hành so sánh đối chiếu với mức dự toán khoản mục chi phí này trong dự toán đã phân cho đội. Nếu đội đề nghị ứng lương thì làm chứng từ gửi bộ phận duyệt lương, phòng tổ chức lao động tiền lương kiểm tra đối chiếu với quỹ lương đội được hưởng theo dự toán để có ý kiến trình Giám đốc. Các chứng từ này nếu được duyệt sẽ chuyển phòng kế toán thực hiện tạm ứng vốn cho các đội hoặc thanh toán trực tiếp với khách hàng.

Ngoài ra, việc kiểm soát chi phí và tổ chức thông tin phục vụ ra quyết định kinh doanh còn được thực hiện dựa trên một số báo cáo như :

- + Bảng tổng hợp chi phí sản xuất
- + Báo cáo chi phí, giá thành CT, HMCT xây lắp.
- + Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

STT	Nội dung các yếu tố chi phí	Số tiền	Tỷ trọng(%)
1.	Chi phí nguyên vật liệu	983.980.620	63,01
	+ CP nguyên vật liệu trực tiếp	910.480.250	58,3
	+ CP nguyên vật liệu gián tiếp	73.500.370	4,71
2.	Chi phí Nhân công	293.500.420	18,80
	+ CP nhân công trực tiếp	242.280.370	15,52
	+ CP nhân công gián tiếp	51.220.050	3,28
3.	Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.780.000	1,65
4.	Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.950.500	8,83
5.	Chi phí khác bằng tiền	120.320.000	7,71
6.	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	1.561.531.540	100

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN

2.3.1. Kết quả đạt được

* Công ty đã bước đầu nhận thức được nội dung và tác dụng của KTQT chi phí

* Chi phí đều được thống nhất phân loại theo từng khoản mục chi phí

* Công tác lập dự toán chi phí được thực hiện căn cứ vào định mức dự toán do Nhà nước quy định có dựa vào biện pháp thi công, năng lực hiện có của Công ty

2.3.2. Những tồn tại

- * Về phân loại chi phí
- * Về công tác lập dự toán chi phí sản xuất
- * Về công tác tính giá thành sản phẩm xây
- * Về kiểm soát chi phí
- * Về công tác tổ chức báo cáo KTQT chi phí
- * Về tổ chức bộ máy kế toán phục vụ KTQT chi phí

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp đã nghiên cứu ở chương 1. Chương 2 của luận văn đã khái quát lịch sử hình thành, đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh xây lắp, tổ chức quản lý và tổ chức công tác kế toán tại DIC-Hội An đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp như thế nào. Trên cơ sở đó, luận văn đã làm rõ thực trạng tổ chức KTQT chi phí sản phẩm xây lắp tại DIC-Hội An trên các nội dung : tổ chức nhận diện và phân loại chi phí; xây dựng dự toán chi phí sản xuất; kiểm soát thực hiện dự toán và tổ chức thông tin phục vụ ra quyết định kinh doanh; phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm cũng như công tác tổ chức hệ thống báo cáo quản trị chi phí phục vụ cho quản lý. Qua nghiên cứu thực trạng, luận văn đã đưa ra những đánh giá về thực tế KTQT chi phí sản phẩm xây lắp tại DIC-Hội An để nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện trong chương 3.

Chương 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN

3.1. YÊU CẦU CỦA VIỆC HOÀN THIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY DIC – HỘI AN

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HỘI AN

3.2.1. Hoàn thiện phân loại chi phí

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, việc phân loại chi phí thành biến phí - định phí - chi phí hỗn hợp là rất phức tạp. Tuy nhiên, có thể phân loại chi phí của doanh nghiệp theo cách ứng xử của chi phí một cách tương đối như sau:

Khoản mục chi phí	Tài khoản	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp	Ghi chú
1. Chi phí NVLTT	621	x	-	-	(1)
2. Chi phí NCTT	622	x	-	-	(2)
3. Chi phí sử dụng máy thi công	623				(3)
- Chi phí nhân công	6231	x	-	-	(3a)
- Chi phí vật liệu	6232	x	-	-	(3b)
- Chi phí dụng cụ sản xuất	6233	-	-	x	(3c)
- Chi phí khấu hao máy móc	6234	-	x	-	(3d)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6237	-	-	x	(3e)
- Chi phí bằng tiền khác	6238	-	-	x	(3g)
4. Chi phí SXC	627				(4)
- Chi phí lương nhân viên đội	6271	-	x	-	(4a)
- Chi phí vật liệu	6272	x	-	-	(4b)
- Chi phí dụng cụ sản xuất	6273	-	-	x	(4c)
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6274	-	x	-	(4d)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277	-	-	x	(4e)
- Chi phí bằng tiền khác	6278	-	-	x	(4g)
5. Chi phí quản lý DN	642				(5)

Khoản mục chi phí	Tài khoản	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp	Ghi chú
- Chi phí nhân viên quản lý	6421	-	x	-	(5a)
- Chi phí vật liệu quản lý	6422	-	x	-	(5b)
- Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	-	x	-	(5c)
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6424	-	x	-	(5d)
- Thuế, phí, lệ phí	6425	-	-	x	(5e)
- Chi phí dự phòng	6426	-	x	-	(5g)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	-	-	x	(5h)
- Chi phí bằng tiền khác	6428	-	-	x	(5i)

3.2.2. Áp dụng kỹ thuật tính giá thông dụng trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An

+ Chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí NCTT và chi phí sử dụng máy thi công được tập hợp trực tiếp cho các CT, HMCT theo chi phí thực tế phát sinh.

+ Khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành, kế toán tiến hành tạm phân bổ chi phí SXC theo mức ước tính cho công trình, hay hạng mục công trình đã hoàn thành.

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ phân bổ ước tính} &= \frac{\text{Tổng chi phí SXC ước tính (theo kế hoạch hoặc dự toán)}}{\text{Tổng mức hoạt động ước tính làm căn cứ phân bổ}} \\ \text{Mức chi phí SXC ước tính cho từng CT, HMCT trong kỳ} &= \text{Tỷ lệ phân bổ ước tính} \times \text{Mức hoạt động thực tế trong kỳ của từng CT,} \end{aligned}$$

Cuối kỳ kế toán, khi xác định được chi phí sản xuất chung thực tế thì phải tiến hành xử lý phần chênh lệch giữa số đã phân bổ theo ước tính với số thực tế chi phí SXC phát sinh cần phân bổ.

+ Nếu mức chênh lệch là không lớn (nhỏ hơn hoặc lớn hơn 5% chi phí SXC thực tế) thì toàn bộ chênh lệch này tính vào TK 632

+ Nếu mức chênh lệch lớn thì phân bổ cho khối lượng xây lắp đã hoàn thành được thanh toán và khối lượng xây lắp dở dang.

3.2.3. Hoàn thiện kiểm soát chi phí thi công tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An

3.2.3.1. Chi phí vật liệu

◊. *Biến động về khối lượng nguyên vật liệu:* Nếu sự biến động này là do nhân tố khách quan như thay đổi thiết kế hoặc bổ sung thiết kế làm khối lượng xây dựng tăng lên từ đó khối lượng vật liệu tăng lên thì nó nằm ngoài mục tiêu kiểm soát của đơn vị. Nhưng nếu khối lượng tăng lên do sửa chữa làm phát sinh nguyên vật liệu theo yêu cầu kỹ thuật,... Đây là nguyên nhân chủ quan thuộc về bản thân của đơn vị thi công.

◊. *Biến động về giá nguyên vật liệu:* Sự biến động về giá nguyên vật liệu là do nhân tố khách quan nếu do cung cầu trên thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước hay do tình trạng lạm phát,...thì không cần xét đến. Nhưng nếu giá vật liệu tăng lên do có sự thông đồng giữa bộ phận mua hàng với nhà cung cấp thì cần xem xét lại quy trình mua nguyên vật liệu có chặt chẽ hay không

3.2.3.2. Chi phí nhân công

◊. Biến động giá thường do các nguyên nhân gắn liền với việc trả lương, tình hình thị trường cung cấp lao động, chính sách nhà nước...

◊. Ảnh hưởng của nhân tố thời gian lao động do nhiều nguyên nhân: có thể là trình độ và năng lực của người lao động thay đổi, do điều kiện trang bị máy móc thiết bị, chính sách lương của DN

3.2.3.3. Chi phí máy thi công

Đội thi công phải theo dõi chi tiết từng hạng mục công việc . Khi hạng mục công việc hoàn thành, đội thi công phải yêu cầu bên nhận khoán xuất hóa đơn trước ngày HMCT được nghiệm thu với số tiền nằm trong phạm vi tổng chi phí máy thi công theo dự toán mà Công ty đã lập (trường hợp thuê ngoài), hoặc chứng từ theo dõi ca máy kèm theo bảng theo dõi chi tiết (trường hợp đội tự thực hiện).

3.2.3.4. Chi phí SXC (phục vụ thi công):

Phân tích sự biến động chi phí SXC cần căn cứ vào bảng tổng hợp và bảng tính giá thành CT theo khoản mục, lập bảng phân tích chi phí SXC của CT theo bảng như sau:

CT: Ngân hàng Đầu tư Chi nhánh Quảng Nam

ST T	Nội dung chi phí	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch	
				Mức chênh lệch	% chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3	6=5/3
1	Tiền lương nhân viên quản lý đội	25.750.000	28.450.000	2.700.000	10
2	Các khoản trích theo lương	32.789.000	35.145.000	2.356.000	7
3	Khấu hao TSCĐ	6.270.000	7.121.000	851.000	14
4	Chi phí vật liệu CCDC quản lý đội	22.340.000	27.233.000	4.893.000	22
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.290.000	10.129.000	1.839.000	22
6	Chi phí bằng tiền khác	34.120.000	32.189.000	(1.931.000)	(6)
	Tổng cộng	129.559.003	140.267.004	10.708.000	8

Dựa vào bảng phân tích trên, có thể nhận thấy khoản mục chi phí nào tăng (giảm) với mức bao nhiêu và tỷ lệ tăng (giảm) nhiều hay ít so với kế hoạch từ đó cần xác định lý do tại sao và đưa ra cách kiểm soát cho thích hợp

3.2.3.5. Báo cáo chi phí phục vụ kiểm soát chi phí

Báo cáo KTQT chi phí sử dụng cho cấp quản trị DN như Giám đốc, Phó giám đốc để đánh giá tổng thể chi phí của các CT và của toàn Công ty hay cho đội trưởng xây dựng, trưởng ban giám sát. Thuộc báo cáo này như :

Báo cáo đánh giá trách nhiệm quản lý

Báo cáo cung cấp TT cho quá trình kiểm tra đánh giá

Báo cáo giá thành sản phẩm toàn DN

3.2.4. Phương pháp định giá dự thầu của nhà quản lý

Ta có giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp sau thuế : G_{XL}

$$G_{XL} = Z_t + VAT \quad \text{hay} \quad G_{XL} = Z_t (1 + T_{gtgt})$$

Z_t : Giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp trước thuế

VAT: Thuế GTGT đầu ra

T_{gtgt} : Thuế suất thuế GTGT đầu ra

Trong DN xây lắp, giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp trước thuế (Z_t) lại được xác định theo công thức:

$$Z_t = B + P_t$$

B: Là chỉ tiêu biến phí được xác định theo hồ sơ mời thầu, chỉ tiêu này được xác định tương đối khách quan cho mỗi CT:

$$B = T_b + C_b$$

Trong đó T_b : Phần biến phí trong chi phí trực tiếp

C_b : Phần biến phí trong chi phí chung

P_t : Là khả năng bù đắp định phí dự kiến khi tranh thầu, chỉ tiêu này được xác định trên cơ sở cụ thể dự kiến tiến hành xây dựng CT khi thắng thầu: $P_t = Đ + L$

Trong đó Đ: Định phí

L: Lợi nhuận theo dự kiến

Vậy nếu:

+ $P_t = Đ$ thì CT sẽ hoà vốn ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ $P_t > Đ$ thì CT sẽ có lãi ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ $0 < P_t < Đ$ thì CT sẽ bị lỗ ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ Khi $P_t = 0$, trong trường hợp này Công ty bị lỗ hoàn toàn khoản định phí

Mặt khác giá dự thầu của DN có thể viết lại như sau:

$$G_{XL} = Z_t(1 + T_{gtg}) \quad \text{Hay} \quad G_{XL} = (B + P_t)(1 + T_{gtg})$$

Để đảm bảo thắng thầu, Công ty cần phải xác định giá dự thầu vừa đảm bảo mang lợi nhuận cho Công ty, vừa đảm bảo thắng thầu, vì vậy điều cần thiết là Công ty phải xác định giá cận dưới tin cậy của giá dự thầu, đây chính là trường hợp $P_t = 0$, khi đó :

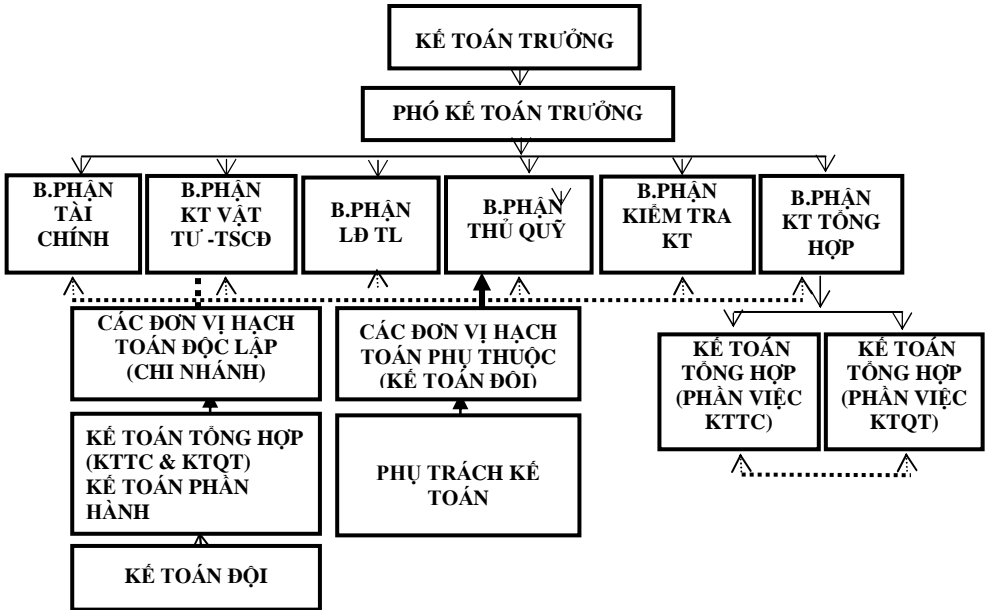
$$G_{XL} = B(1 + T_{gtg})$$

Trường hợp này Công ty phải bù đắp phần định phí của hợp đồng, thậm chí trong một số trường hợp để thắng thầu Công ty có thể lấy giá dự thầu $G_{XL}=B$ có nghĩa là DN xây lắp sẽ phải bù đắp cả phần định phí và thuế GTGT đầu ra tính cho hợp đồng đó.

Sau khi đã thắng thầu, căn cứ vào hồ sơ thiết kế của CT, Công ty tính ra biến phí B của CT theo công thức $B = T_b + C_b$, như vậy có thể xác định được khả năng bù đắp định phí và có lợi nhuận đối với hợp đồng xây dựng này là $P_t = Z_t - B$

3.2.5. Hoàn thiện mô hình tổ chức KTQT chi phí

Mô hình này có thể khái quát qua sơ đồ sau:



- *. Kế toán trưởng
- *. Phó kế toán trưởng
- *. Bộ phận tài chính
- *. Bộ phận kế toán tài sản, vật tư
- *. Bộ phận kế toán lao động, tiền lương
- *. Bộ phận kiểm tra kế toán
- *. Bộ phận kế toán tổng hợp, kiểm tra, tư vấn:

+ *Nhóm 1:* Nhóm kế toán tổng hợp thực hiện việc tổng hợp, kiểm tra thuộc phần việc KTTC, thực hiện chức năng kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến KTTC của các bộ phận khác

+ *Nhóm 2:* Nhóm tổng hợp, phân tích và tư vấn (phần công việc của KTQT) thực hiện kiểm tra các dự toán chi tiết do các bộ phận khác lập, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện với mục tiêu đề ra và tìm ra các nguyên nhân gây ra sự biến động đó

- *. Bộ phận kế toán đội

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi nghiên cứu thực trạng tổ chức KTQT tại DIC-Hội An, tác giả đã đưa ra yêu cầu và quan điểm định hướng để hoàn thiện tổ chức KTQT chi phí sản phẩm xây lắp tại DIC-Hội An. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện tổ chức KTQT chi phí sản phẩm xây lắp trên các khía cạnh: Hoàn thiện phương thức khoán nhằm tăng cường công tác quản trị chi phí tại DIC-Hội An; phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận phục vụ quyết định giá dự thầu của nhà quản lý; áp dụng kỹ thuật tính giá thông dụng trong DIC-Hội An; hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí; Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị chi phí với mong muốn công tác tại các DN ngày một tốt hơn, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý tại DN.

KẾT LUẬN

Xây dựng được đánh giá là một trong các ngành công nghiệp quan trọng nhất đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, các dự án xây dựng trong quá trình thực hiện vẫn phải thường xuyên đối mặt với vấn đề vượt chi phí. Do đó, để đảm bảo công trình, hạng mục công trình thực hiện trong phạm vi chi phí kế hoạch nhưng vẫn đạt chất lượng và tiến độ đề ra là một trong những mục tiêu hàng đầu của công tác quản trị chi phí ở mỗi doanh nghiệp xây lắp. Trong xu thế hội nhập ngày nay, các nhà thầu quốc tế thâm nhập làm cho cuộc cạnh tranh ngày một gay gắt. Nếu biết chuẩn bị từ bây giờ, các nhà thầu Việt Nam sẽ đứng trước cơ hội phát triển mạnh mẽ hoặc sẽ nhường bước cho các nhà thầu nước ngoài ngay trên sân nhà. Việc

xác định những nguyên nhân gây biến động chi phí để tìm biện pháp khắc phục, đổi mới trong quản lý chi phí nhằm tiết kiệm và sử dụng chi phí một cách có hiệu quả, là cơ sở hạ giá thành sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh của DN trên thị trường là công việc cấp thiết cần làm để các dự án xây lắp thực hiện được thành công và bản thân mỗi công ty nói riêng cũng như ngành xây dựng Việt Nam nói chung có thể tồn tại và phát triển. Đó cũng chính là mục tiêu hướng tới của nghiên cứu này. Trong phạm vi và điều kiện nhất định, luận văn trình bày được một số nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về KTQT chi phí trong các DN xây dựng.
- Nghiên cứu, khảo sát thực trạng KTQT trong DIC-Hội An.
- Hoàn thiện nội dung KTQT chi phí trong DIC-Hội An: Hoàn thiện nội dung phân loại chi phí và phương pháp xác định chi phí cho phù hợp với sản phẩm xây lắp, hoàn thiện hệ thống báo cáo KTQT chi phí để đánh giá kết quả của các bộ phận thông qua các báo cáo là cơ sở đưa ra các quyết định, áp dụng phương pháp định giá dự thầu để đưa ra các quyết định kinh doanh ngắn hạn, dài hạn và tổ chức bộ máy kế toán phục vụ KTQT chi phí.

Luận văn nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản của mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên những vấn đề đề xuất trong luận văn đã được rút ra từ thực tế, nhưng đối với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành xây lắp nói riêng chắc chắn còn nhiều vấn đề mới phát sinh cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Trong quá trình nghiên cứu, không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô giáo, các bạn đọc để luận văn ngày càng hoàn thiện và phong phú hơn./.